

MỤC LỤC

HỆ THỐNG ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ I LỚP 5	TRANG	
	Đề	Đáp án
ĐỀ SỐ 1 (SGK CÁNH DIỀU)	3	22
ĐỀ SỐ 2 (SGK CÁNH DIỀU)	5	24
ĐỀ SỐ 3 (SGK CÁNH DIỀU)	7	26
ĐỀ SỐ 4 (SGK KẾT NỐI TRI THỨC)	9	28
ĐỀ SỐ 5 (SGK KẾT NỐI TRI THỨC)	11	30
ĐỀ SỐ 6 (SGK KẾT NỐI TRI THỨC)	13	32
ĐỀ SỐ 7 (SGK CHÂN TRỜI SÁNG TẠO)	15	34
ĐỀ SỐ 8 (SGK CHÂN TRỜI SÁNG TẠO)	17	36
ĐỀ SỐ 9 (SGK CHÂN TRỜI SÁNG TẠO)	19	38

A. HỆ THỐNG ĐỀ KIỂM TRA



ĐỀ SỐ 1
SÁCH CÁNH DIỀU**ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ I**

Năm học: 2024 – 2025

Môn: Toán lớp 5

Thời gian làm bài: 40 phút

(Không kể thời gian giao đề)

I. TRẮC NGHIỆM KHÁCH QUAN (4,0 điểm)

Hãy chọn phương án đúng hoặc thực hiện theo yêu cầu

Câu 1. Phân số “năm phần hai” được viết là:

A. $\frac{2}{5}$

B. $\frac{5}{2}$

C. $\frac{15}{2}$

D. $\frac{12}{5}$

Câu 2. Cho hình vẽ sau:

Tỉ số của số táo xanh và tổng số quả táo là:

A. $\frac{5}{14}$

B. $\frac{14}{5}$

C. $\frac{5}{9}$

D. $\frac{9}{5}$

Câu 3. Số thập phân gồm “3 chục, 7 đơn vị, 9 phần mười, 4 phần trăm, 1 phần nghìn” được viết là:**Câu 4.** Một xe máy đi 3 giờ được 60 km. Hỏi xe máy đó đi trong 6 giờ được bao nhiêu ki-lô-mét?

A. 100 km

B. 110 km

C. 120 km

D. 130 km

Câu 5. Số đo diện tích nào sau đây là nhỏ nhất?A. 0,54 km²

B. 5 ha

C. 154 m²D. $\frac{62}{100}$ km²**Câu 6.** Giá trị chữ số 4 trong số thập phân 75,184 là bao nhiêu?

A. $\frac{4}{10}$

B. $\frac{4}{100}$

C. $\frac{4}{1\ 000}$

D. $\frac{4}{10\ 000}$

Câu 7. Diện tích của một xã là 1023,6 m². Hỏi diện tích của xã đó khoảng bao nhiêu mét vuông (làm tròn số đến hàng đơn vị).A. 1024 m²B. 1023 m²C. 1100 m²D. 1033 m²**Câu 8.** Có 2 chiếc xe ben chở 24 tạ xi-măng ra công trình, mỗi xe chở được lượng cát như nhau. Hỏi có 7 chiếc xe ben như thế thì chở được bao nhiêu tạ xi-măng?

A. 56 tạ

B. 61 tạ

C. 74 tạ

D. 84 tạ

II. TỰ LUẬN (6,0 điểm)**Bài 1.** Điền số thích hợp vào chỗ chấm:

22 ha = km²

7 ha 30 m² = ha

2 m² 9 dm² = dm²

5 km² 15 ha = ha

Bài 2. Nối hai phân số bằng nhau:

$\frac{34}{12}$
$\frac{20}{105}$
$\frac{36}{63}$

$\frac{4}{21}$
$\frac{4}{7}$
$\frac{17}{6}$

Bài 3. Một hình chữ nhật có chu vi là 400 m, chiều rộng bằng $\frac{2}{3}$ chiều dài. Tìm diện tích hình chữ nhật đó.

Bài 4. Hiệu của số lớn nhất có hai chữ số với số bé nhất có 2 chữ số giống nhau là bao nhiêu?

Trả lời:

ĐỀ SỐ 2
SÁCH CÁNH DIỀU**ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ I**

Năm học: 2024 – 2025

Môn: Toán lớp 5

Thời gian làm bài: 40 phút

(Không kể thời gian giao đề)

I. TRẮC NGHIỆM KHÁCH QUAN (4,0 điểm)

Hãy chọn phương án đúng hoặc thực hiện theo yêu cầu

Câu 1. Số thập phân gồm “5 chục, 2 đơn vị, 9 phần mười, 4 phần trăm, 1 phần nghìn” được viết là:

Câu 2. Số đo độ dài nào lớn nhất?

A. 0,01 m

B. 29 cm

C. 0,7 dm

D. 1,13 m

Câu 3. Rút gọn phân số $\frac{35}{60}$ ta được phân số:

A. $\frac{7}{12}$ B. $\frac{7}{8}$ C. $\frac{1}{4}$ D. $\frac{12}{7}$

Câu 4. Chia đều 600 ml tinh dầu bưởi được 4 chai. Hỏi có 900 ml tinh dầu bưởi thì rót được mấy chai như vậy?

A. 4 chai

B. 5 chai

C. 6 chai

D. 7 chai

Câu 5. Lớp 2A có 15 học sinh nam, số học sinh nữ nhiều hơn số học sinh nam là 4 học sinh. Vậy tỉ số giữa số học sinh nữ và số học sinh cả lớp là bao nhiêu?

A. $\frac{15}{19}$ B. $\frac{15}{34}$ C. $\frac{19}{34}$ D. $\frac{34}{15}$

Câu 6. Số thập phân nhỏ nhất có ba chữ số khác nhau có tổng các chữ số bằng 3 là:

A. 0,03

B. 0,12

C. 0,30

D. 3,00

Câu 7. Số thập phân thích hợp để điền vào chỗ chấm là: 3 ha 460 m² = ha

A. 3,460

B. 3,046

C. 30,46

D. 34,6

Câu 8. Giá trị của chữ số 7 trong số thập phân nào dưới đây có giá trị nhỏ nhất?

A. 999,72

B. 72,53

C. 1 710,5

D. 7,83

II. TỰ LUẬN (6,0 điểm)**Bài 1.** Điền số thích hợp vào chỗ chấm:

Số thập phân gồm:

5 trăm, 8 chục, 4 phần mười:

6 chục, 1 đơn vị, 5 phần trăm:

2 nghìn, 5 đơn vị, 9 phần nghìn:

Bài 2. Điền dấu ">"; "<"; "=" thích hợp vào chỗ chấm:

$$\frac{5}{2} \dots \frac{1}{6}$$

$$\frac{7}{35} \dots \frac{2}{10}$$

$$\frac{6}{5} \dots \frac{14}{3}$$

Bài 3. Một cửa hàng có số gạo tẻ nhiều hơn số gạo nếp là 150 kg và số gạo nếp bằng $\frac{1}{7}$ số gạo tẻ.

Hỏi cửa hàng có tất cả bao nhiêu ki-lô-gam gạo?

Bài 4. Có bao nhiêu giá trị của số tự nhiên a thỏa mãn $\frac{4}{7} < \frac{a}{10} < \frac{5}{7}$?

Trả lời:

ĐỀ SỐ 3 SÁCH CÁNH DIỀU

ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ I

Năm học: 2024 – 2025

Môn: Toán lớp 5

Thời gian làm bài: 40 phút

(Không kể thời gian giao đề)

I. TRẮC NGHIỆM KHÁCH QUAN (4,0 điểm)

Hãy chọn phương án đúng hoặc thực hiện theo yêu cầu

Câu 1. Số thập phân “sáu đơn vị, tám mươi hai phần trăm” được viết là:

Câu 2. Chuyển số thập phân 0,02 thành phân số thập phân ta được:

- A. $\frac{2}{100}$ B. $\frac{20}{100}$ C. $\frac{2}{1000}$ D. $\frac{2}{10}$

Câu 3. Buổi sáng mẹ bán được 2 yến gạo, buổi chiều mẹ bán được nhiều hơn buổi sáng là 5 yến gạo. Tỷ số giữa số gạo buổi sáng mẹ bán và số gạo buổi chiều mẹ bán là bao nhiêu?

- A. 2 : 5 B. $\frac{5}{2}$ C. 7 : 2 D. $\frac{2}{7}$

Câu 4. Giá trị của chữ số 4 trong số thập phân 0,04 là bao nhiêu?

- A. 4 B. $\frac{4}{10}$ C. $\frac{4}{100}$ D. $\frac{4}{1000}$

Câu 5. Cho bảng sau:

Số can dầu	3	6	12
Số lít dầu	5	10	20

Khi số can dầu giảm 4 lần thì số lít dầu giảm bao nhiêu lần?

- A. 2 lần B. 3 lần C. 4 lần D. 5 lần

Câu 6. Quy đồng phân số $\frac{5}{9}$ có mẫu số bằng 108 là:

- A. $\frac{27}{108}$ B. $\frac{60}{108}$ C. $\frac{30}{108}$ D. $\frac{54}{108}$

Câu 7. Có bao nhiêu số thập phân a có một chữ số ở phần thập phân sao cho $8 < a < 9$?

- A. 6 số B. 7 số C. 8 số D. 9 số

Câu 8. Một thửa ruộng dạng hình chữ nhật có chiều dài 300 m, chiều rộng là 65 m. Hỏi diện tích của thửa ruộng đó là bao nhiêu héc-ta?

- A. 0,195 ha B. 1,95 ha C. 19,5 ha D. 195 ha

II. TỰ LUẬN (6,0 điểm)**Bài 1.**

- a) Sắp xếp các số 3,47; 4,48; 2,58; 7,47 theo thứ tự từ bé đến lớn.
b) Tìm số tự nhiên a biết $0,8 < a < 1,07$.

Bài 2. Điền số thích hợp vào chỗ chấm:

$$0,8 \text{ ha} = \dots\dots\dots \text{ m}^2 \qquad 47\,400 \text{ ha} = \dots\dots\dots \text{ km}^2 \qquad 15 \text{ km}^2 \text{ } 6 \text{ ha} = \dots\dots\dots \text{ km}^2$$

Bài 3. Một cửa hàng có số gạo tẻ nhiều hơn số gạo nếp là 150 kg và số gạo nếp bằng $\frac{1}{7}$ số gạo tẻ.

Hỏi cửa hàng có tất cả bao nhiêu ki-lô-gam gạo?

Bài 4. Cho dãy số: 0,1; 0,01; 0,001;... Hỏi để viết từ số hạng thứ nhất đến số hạng thứ 100 phải dùng bao nhiêu chữ số 1, bao nhiêu chữ số 0?

Trả lời:



ĐỀ SỐ 4

SÁCH KẾT NỐI TRI THỨC

ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ I

Năm học: 2024 – 2025

Môn: Toán lớp 5

Thời gian làm bài: 40 phút

(Không kể thời gian giao đề)

I. TRẮC NGHIỆM KHÁCH QUAN (4,0 điểm)

Hãy chọn phương án đúng hoặc thực hiện theo yêu cầu

Câu 1. Hỗn số chỉ phần đã tô màu của hình sau là:

A. $2\frac{1}{4}$

B. $2\frac{3}{4}$

C. $3\frac{1}{4}$

D. $3\frac{3}{4}$



Câu 2. Số thập phân 105,025 có phần nguyên là

Câu 3. Dãy số thập phân được viết theo thứ tự từ lớn đến bé là:

A. 8; 8,76; 8,093; 8,901

B. 5,494; 5,493; 5,392; 5,001

C. 6,732; 7; 7,009; 7,013

D. 13; 12,47; 12,51; 12,001

Câu 4. Số thích hợp điền vào chỗ chấm để: 25 ha = km² là:

A. 0,25

B. 2,5

C. 0,025

D. 0,0025

Câu 5. Phân số thập phân $\frac{2\ 024}{100}$ được viết dưới dạng số thập phân là:

A. 2,024

B. 20,24

C. 202,4

D. 0,2024

Câu 6. Kính viễn vọng được phát minh năm 1671. Vệ tinh nhân tạo được phát minh sau kính viễn vọng 286 năm. Ô tô được phát minh trước vệ tinh nhân tạo 71 năm. Hỏi ô tô được phát minh vào thế kỉ nào?

A. Thế kỉ XIV

B. Thế kỉ XV

C. Thế kỉ XVIII

D. Thế kỉ XIX

Câu 7. Một cửa hàng đồ ăn nhanh ở lễ hội ẩm thực một ngày bán được 85,65 kg khoai tây chiên. Hỏi cửa hàng đó bán được khoảng bao nhiêu ki-lô-gam khoai tây chiên? (Làm tròn số đến hàng đơn vị)

A. 86 kg

B. 85,6 kg

C. 85 kg

D. 87 kg

Câu 8. Việt dùng $\frac{1}{2}$ số tiền của mình để mua một quyển vở. Sau đó bạn ấy dùng thêm $\frac{1}{5}$ số tiền của mình để mua bút. Hỏi số tiền mua vở nhiều hơn số tiền mua bút bằng bao nhiêu phần số tiền ban đầu của Việt?

A. $\frac{1}{3}$

B. $\frac{1}{4}$

C. $\frac{3}{4}$

D. $\frac{3}{10}$

II. TỰ LUẬN (6,0 điểm)**Bài 1.** Tính:

a) $\frac{1}{2} + \frac{1}{3}$

b) $\frac{1}{4} + \frac{1}{6}$

c) $\frac{4}{5} - \frac{1}{2}$

Bài 2.

a) Tìm x biết: $x - \frac{3}{5} \times \frac{5}{9} = \frac{2}{3}$.

b) Tính bằng cách thuận tiện: $15 \times 20 \frac{23}{100} + 84 \times 20 \frac{23}{100} + 20 \frac{23}{100}$.

Bài 3. Một mảnh đất hình chữ nhật có chiều dài 200 dm, chiều rộng bằng $\frac{3}{4}$ chiều dài. Người ta trồngngô trên mảnh đó. Sau một mùa vụ, 1m^2 đất có thể thu hoạch được 5 yến ngô. Hỏi:

a) Diện tích mảnh đất hình chữ nhật là bao nhiêu mét vuông?

b) Sau một mùa vụ, cả mảnh đất đó có thể thu hoạch được bao nhiêu tạ ngô?

Bài 4. Từ ba chữ số 5; 1; 3 lập được tất cả bao nhiêu số thập phân có phần nguyên gồm 1 chữ số và có đủ mặt ba chữ số đó?**Trả lời:**

ĐỀ SỐ 5 SÁCH KẾT NỐI TRI THỨC

ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ I

Năm học: 2024 – 2025

Môn: Toán lớp 5

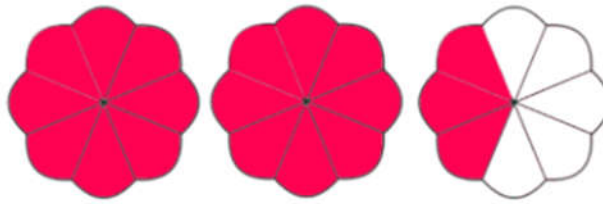
Thời gian làm bài: 40 phút
(Không kể thời gian giao đề)

I. TRẮC NGHIỆM KHÁCH QUAN (4,0 điểm)

Hãy chọn phương án đúng hoặc thực hiện theo yêu cầu

Câu 1. Số thập phân “Mười bảy phẩy năm mươi hai” được viết là:

Câu 2. Phần tô màu dưới đây biểu diễn hỗn số nào?



A. $2\frac{3}{8}$

B. $2\frac{3}{7}$

C. $2\frac{3}{9}$

D. $1\frac{3}{8}$

Câu 3. Điền vào chỗ chấm: $12,58 = 12 + \frac{5}{10} + \dots\dots$

A. 8

B. $\frac{8}{10}$

C. $\frac{8}{100}$

D. $\frac{8}{1\ 000}$

Câu 4. Cô Ba có một tấm vải. Cô dùng $\frac{2}{9}$ tấm vải để may quần, $\frac{3}{8}$ tấm vải để may áo và $\frac{1}{9}$ tấm vải để may túi. Hỏi cô Ba đã dùng hết bao nhiêu phần tấm vải?

A. $\frac{17}{24}$

B. $\frac{9}{17}$

C. $\frac{21}{5}$

D. $\frac{6}{23}$

Câu 5. Số thập phân 3,2 được viết dưới dạng hỗn số có chứa phân số thập phân là:

A. $3\frac{1}{5}$

B. $\frac{32}{10}$

C. $3\frac{2}{10}$

D. $2\frac{3}{10}$

Câu 6. Giá trị chữ số 4 trong số thập phân 75,184 là bao nhiêu?

A. $\frac{4}{10}$

B. $\frac{4}{100}$

C. $\frac{4}{1\ 000}$

D. $\frac{4}{10\ 000}$

Câu 7. Trong các số sau, số nào lớn nhất và khi làm tròn đến hàng đơn vị cho kết quả là 21?

A. 21,099

B. 20,999

C. 21,499

D. 20,099

Câu 8. Người ta dùng loại gạch men hình vuông có cạnh 50 cm để lát nền một phòng học hình chữ nhật có chiều dài 8 m, chiều rộng 6 m. Hỏi cần bao nhiêu viên gạch men loại đó để vừa đủ lát kín nền phòng học? (Diện tích phần mạch vữa không đáng kể)

A. 20 viên

B. 192 viên

C. 1920 viên

D. 182 viên

II. TỰ LUẬN (6,0 điểm)

Bài 1. Viết số thập phân thích hợp vào chỗ chấm:

a) 5 m 5 cm = m

b) 4 tấn 36 kg = tấn

c) 35 ha = km²

d) 500g = kg

Bài 2. Tính:

a) $\frac{3}{5} - \frac{2}{7}$

b) $\frac{7}{11} + \frac{8}{5}$

c) $\frac{1}{6} + \frac{1}{8}$

d) $\frac{13}{4} - \frac{2}{5}$

Bài 3. Một thửa ruộng hình chữ nhật có chu vi là 240m, chiều rộng bằng $\frac{1}{2}$ chiều dài.

a) Tính diện tích thửa ruộng đó.

b) Biết rằng cứ 100m² thì thu hoạch được 50 kg thóc. Hỏi trên cả thửa ruộng đó người ta thu hoạch được bao nhiêu tạ thóc?

Bài 4. Tìm một số sao cho khi tử số của phân số $\frac{17}{60}$ cộng với số đó và giữ nguyên mẫu số thì được

phân số mới bằng $\frac{7}{12}$.

Trả lời:

ĐỀ SỐ 6

SÁCH KẾT NỐI TRI THỨC

ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ I

Năm học: 2024 – 2025

Môn: Toán lớp 5

Thời gian làm bài: 40 phút
(Không kể thời gian giao đề)

I. TRẮC NGHIỆM KHÁCH QUAN (4,0 điểm)

Hãy chọn phương án đúng hoặc thực hiện theo yêu cầu

Câu 1. Kết quả của phép tính $\frac{1}{2} + \frac{2}{3}$ là:

A. $\frac{7}{6}$

B. $\frac{3}{5}$

C. $\frac{4}{20}$

D. $\frac{5}{6}$

Câu 2. Số thập phân 0,05 viết dưới dạng phân số thập phân là:

A. $\frac{5}{10}$

B. $\frac{5}{100}$

C. $\frac{5}{1\ 000}$

D. $\frac{100}{5}$

Câu 3. Hỗn số $3\frac{2}{5}$ được viết dưới dạng số thập phân là:

A. 3,4

B. 3,5

C. 3,2

D. 5,3

Câu 4. Viết số thích hợp vào chỗ chấm: 47 400 ha = km²

Câu 5. Sáng nay, Mẹ Hà đi mua một số quả cam biếu ông bà, cô bán hàng nói với mẹ Hà rằng: Số quả cam này cân nặng 2,78 kg. Theo em, nếu cô bán hàng làm tròn số đến hàng phần mười thì số cam đó cân nặng khoảng bao nhiêu ki-lô-gam?

A. 2,9 kg

B. 2,8 kg

C. 2,7 kg

D. 2,6 kg

Câu 6. Điền số thích hợp vào chỗ chấm: 4 dm 5 cm = m

A. 0,045

B. 45

C. 4,5

D. 0,45

Câu 7. Bác Mai chia đều tấm vải hình chữ nhật 30 m² thành 7 phần bằng nhau. Hỏi mỗi phần có diện tích là bao nhiêu?

A. $\frac{7}{30}$ m²

B. $3\frac{9}{7}$ m²

C. $4\frac{2}{7}$ m²

D. $4\frac{1}{7}$ m²

Câu 8. Viết số thích hợp vào chỗ chấm:

Vườn trường Hạnh phúc dạng hình chữ nhật có chiều rộng 60 m và chiều rộng bằng $\frac{4}{5}$ chiều dài.

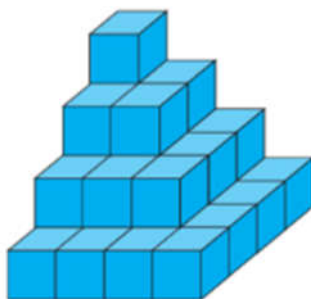
Trên đó người ta trồng rau cải xanh, cứ mỗi 10 m² thu hoạch được 6 kg rau cải xanh.

Vậy số rau cải xanh thu hoạch được trên vườn trường đó là: tạ.

II. TỰ LUẬN (6,0 điểm)**Bài 1.** Tìm x , biết:

a) $\frac{3}{2} - x + \frac{2}{3} = \frac{1}{6}$;

b) $\frac{1}{x} + \frac{2}{3} = \frac{11}{12}$.

Bài 2. Tính bằng cách thuận tiện: $22\frac{7}{9} + 35\frac{11}{17} + 7\frac{2}{9} + 4\frac{6}{17}$.**Bài 3.** Một căn nhà có nền hình chữ nhật với chiều dài 12 m và chiều rộng 9 m. Người ta lát nền căn phòng bằng các viên gạch hình vuông cạnh 3 dm. Hỏi để lát hết nền căn phòng đó thì cần bao nhiêu viên gạch?**Bài 4.** Cho hình sau:

Có bao nhiêu khối lập phương nhỏ dùng để xếp thành hình trên?

Trả lời:

ĐỀ SỐ 7
SÁCH CHÂN TRỜI SÁNG TẠO**ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ I**

Năm học: 2024 – 2025

Môn: Toán lớp 5

Thời gian làm bài: 40 phút

(Không kể thời gian giao đề)

I. TRẮC NGHIỆM KHÁCH QUAN (4,0 điểm)

Hãy chọn phương án đúng

Câu 1. Hỗn số biểu diễn số bánh pizza có trong hình sau:

A. $3\frac{1}{4}$

B. $3\frac{3}{4}$

C. $4\frac{1}{4}$

D. $4\frac{3}{4}$

Câu 2. Điền số thích hợp vào chỗ chấm:

Số thập phân gồm “Hai mươi tám đơn vị, tám phần mười và sáu phần trăm” viết là:

Câu 3. Phân số thập phân $\frac{9}{100}$ được viết dưới dạng số thập phân là:

A. 0,9

B. 9,1

C. 0,09

D. 9,10

Câu 4. Biết bốn bạn Công, Thành, Danh, Toại có chiều cao lần lượt là 1,35m; 1,5m; 1,45m; 1,4m.

Trong bốn bạn đó, bạn cao nhất là:

A. Công

B. Thành

C. Danh

D. Toại

Câu 5. Viết số thích hợp vào chỗ chấm: 5 kg 80 g = kg.**Câu 6.** Làm tròn số thập phân 4,54 đến hàng phần mười ta được:

A. 4

B. 4,5

C. 4,55

D. 5

Câu 7. Cho số thập phân 137,025. Nếu dịch chuyển dấu phẩy của số đó sang bên phải một hàng thì

chữ số 0 thuộc hàng nào của số mới?

A. Hàng phần mười

B. Hàng phần trăm

C. Hàng đơn vị

D. Hàng phần nghìn

Câu 8. Có tất cả bao nhiêu số tự nhiên x thoả mãn “ $19,5 < x < 22,5$ ”?

A. 1

B. 2

C. 3

D. 4

II. TỰ LUẬN (6,0 điểm)**Bài 1.** Điền số thích hợp vào chỗ chấm:

25 tấn 68 kg = tấn

71 620 m/ = /

70 548 ha = km²

9 m 3 dm = m

Bài 2.

a) Tính giá trị của biểu thức: $\frac{4}{9} + \frac{2}{9} - \frac{5}{18}$

b) Tìm x : $x + \frac{4}{7} = \frac{7}{4} - \frac{1}{4}$

Bài 3. Một cửa hàng nhập về 3 tấn gạo. Ngày thứ nhất, cửa hàng bán được 150 kg gạo. Ngày thứ hai cửa hàng bán được gấp đôi số gạo ngày thứ nhất. Số gạo còn lại bán trong 6 ngày thì vừa hết. Hỏi trong 6 ngày này, trung bình mỗi ngày cửa hàng bán được bao nhiêu ki-lô-gam gạo?**Bài 4.** Cho phân số $\frac{97}{53}$. Tìm số tự nhiên m sao cho khi bớt m ở tử số và thêm m ở mẫu số của phânsố đã cho thì ta được phân số mới có giá trị bằng $\frac{3}{2}$.**Trả lời:**

ĐỀ SỐ 8

SÁCH CHÂN TRỜI SÁNG TẠO

ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ I

Năm học: 2024 – 2025

Môn: Toán lớp 5

Thời gian làm bài: 40 phút

(Không kể thời gian giao đề)

I. TRẮC NGHIỆM KHÁCH QUAN (4,0 điểm)

Hãy chọn phương án đúng hoặc thực hiện theo yêu cầu

Câu 1. Hỗn số chỉ phần đã tô màu của hình sau là:

A. $2\frac{1}{4}$

B. $2\frac{3}{4}$

C. $3\frac{1}{4}$

D. $3\frac{3}{4}$



Câu 2. Biết bốn con: gà, vịt, ngỗng, thỏ có cân nặng lần lượt là: 1,85kg; 2,1kg; 3,6kg; 3000g. Trong bốn con vật đó, con vật nặng nhất là:

A. Con gà

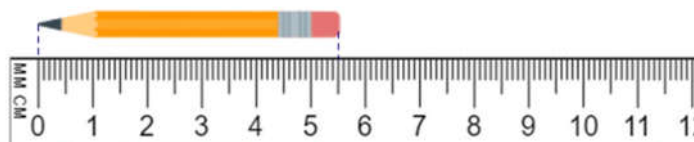
B. Con ngỗng

C. Con vịt

D. Con thỏ

Câu 3. Viết số thích hợp vào chỗ chấm: $5\text{ha } 6\text{dam}^2 = \dots\dots\dots \text{ha}$

Câu 4. Cho hình vẽ sau:



Bút chì dài bao nhiêu xăng-ti-mét?

A. 5 cm

B. 5,4 cm

C. 5,7 cm

D. 5,5 cm

Câu 5. Từ ba số: 5; 1; 3 lập được tất cả bao nhiêu số thập phân có phần nguyên gồm 1 chữ số và có đủ mặt ba chữ số đó?

A. 5 số thập phân

B. 4 số thập phân

C. 6 số thập phân

D. 7 số thập phân

Câu 6. Số đo độ dài nào lớn nhất?

A. 0,01 m

B. 29 cm

C. 0,7 dm

D. 1,13 m

Câu 7. Tất cả các số tự nhiên b thỏa mãn $24,45 < b < 26,09$ là:

A. 25; 26

B. 24; 25; 26

C. 25; 26; 27

D. 25

Câu 8. Trong một trò chơi ném phi tiêu, mỗi người chơi được ném tối đa 5 lần. Hùng đã ném trúng 2 lần vào hồng tâm. Tỷ số của số lần Hùng ném trúng so với tổng số lần trúng là:

A. $\frac{2}{5}$

B. $\frac{3}{5}$

C. $\frac{2}{3}$

D. $\frac{5}{2}$

II. TỰ LUẬN (6,0 điểm)**Bài 1.**

- a) Sắp xếp các số 3,47; 4,48; 2,58; 7,47 theo thứ tự từ bé đến lớn.
b) Điền số thích hợp vào chỗ chấm: $3,52 > 3,.....2 > 3,32$

Bài 2. Điền số thích hợp vào chỗ chấm:

- a) Làm tròn số thập phân 35,501 đến số tự nhiên gần nhất ta được số:
b) Làm tròn số thập phân 32,152 đến hàng phần mười ta được số:
c) Làm tròn số 1345,754 đến hàng phần trăm được số:

Bài 3. Hình chữ nhật có chiều dài bằng $\frac{3}{2}$ chiều rộng. Nếu tăng chiều rộng 20 m thì hình chữ nhật trở thành hình vuông. Tính diện tích hình chữ nhật?

Bài 4. Hiện nay tổng số tuổi của hai chị em là 32 tuổi. Biết rằng lúc tuổi chị bằng tuổi em hiện nay thì khi đó tuổi em bằng $\frac{5}{7}$ tuổi chị. Hãy tính tuổi em hiện nay.

Trả lời:



ĐỀ SỐ 9

SÁCH CHÂN TRỜI SÁNG TẠO

ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ I

Năm học: 2024 – 2025

Môn: Toán lớp 5

Thời gian làm bài: 40 phút

(Không kể thời gian giao đề)

I. TRẮC NGHIỆM KHÁCH QUAN (4,0 điểm)

Hãy chọn phương án đúng

Câu 1. Viết số thích hợp vào chỗ chấm:

Số thập phân gồm “2 trăm, 3 chục, 2 phần mười, 8 phần nghìn” viết là:

Câu 2. Trong số thập phân 456,239, giá trị của chữ số 6 gấp mấy lần giá trị của chữ số 2?

- A. 3 lần B. 30 lần C. 300 lần D. 60 lần.

Câu 3. Số đo độ dài nào sau đây là lớn nhất?

- A. 7,3 m B. 730 dm C. 0,73 km D. 7 300 cm

Câu 4. Trong một thí nghiệm về sự cân đối của xúc xắc, một bạn đã tung một con xúc xắc 15 lần liên tiếp. Trong đó, thống kê được rằng có 7 lần xuất hiện mặt 5 chấm. Tỉ số của số lần xảy ra sự kiện mặt 5 chấm xuất hiện và tổng số lần tung là:

- A. $\frac{5}{15}$ B. $\frac{7}{15}$ C. $\frac{7}{5}$ D. $\frac{5}{7}$

Câu 5. Thời gian chạy hết 200 m của bốn bạn An, Khang, Thịnh, Vượng lần lượt là: 42,17 giây; 42,25 giây; 42,56 giây; 42,05 giây. Hãy cho biết ai là người về đích cuối cùng?

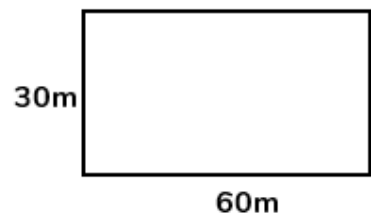
- A. An B. Thịnh C. Khang D. Vượng

Câu 6. Phân số có tử số là số liền sau của số nhỏ nhất có hai chữ số, mẫu số là số chẵn lớn nhất có hai chữ số được viết là:

- A. $\frac{11}{98}$ B. $\frac{98}{11}$ C. $\frac{12}{7}$ D. $\frac{97}{100}$

Câu 7. Một khu vườn hình chữ nhật có kích thước được ghi ở trên hình vẽ bên. Diện tích của khu vườn là:

- A. 18km² B. 18 ha
C. 18dam² D. 180m²



Câu 8. Hai số tự nhiên liên tiếp x, y thỏa mãn $x < 10,25 < y$ là:

- A. $x = 10, y = 11$ B. $x = 9, y = 11$
C. $x = 9, y = 10$ D. $x = 10, y = 12$

II. TỰ LUẬN (6,0 điểm)**Bài 1.** Nối các cặp biểu thức có giá trị bằng nhau:

$483 + 5\ 109$
2×100
999×45
$871 + (500 + 500)$

$2\ 997 \times 15$
$2\ 000 - 129$
$2 \times 75 + 2 \times 25$
$5\ 000 + 600 - 8$

Bài 2. Điền dấu ">"; "<"; "=" thích hợp vào chỗ chấm:

96,4 96,38

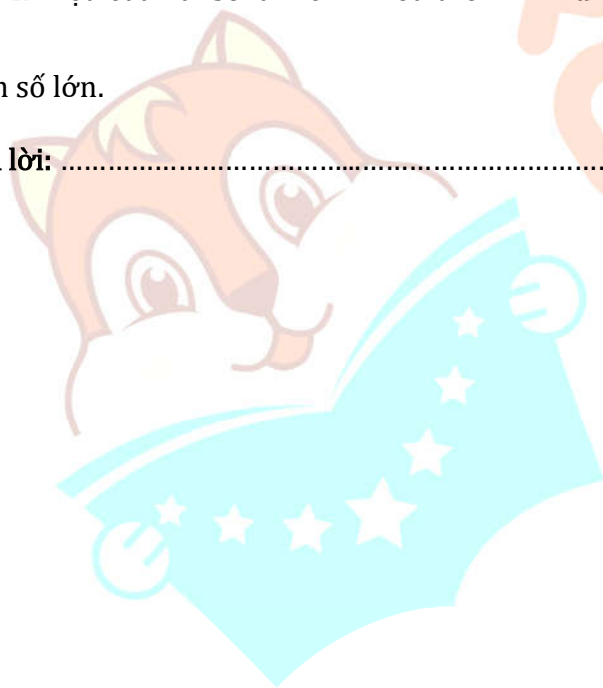
4,21 4,210

0,715 0,7205

Bài 3. Một hình chữ nhật có chu vi là 400 m, chiều rộng bằng $\frac{2}{3}$ chiều dài. Tìm diện tích hình chữ nhật đó.**Bài 4.** Hiệu của hai số là 2 021. Nếu thêm 121 đơn vị vào số lớn thì khi đó $\frac{2}{3}$ số bé bằng $\frac{1}{6}$ số lớn.

Tìm số lớn.

Trả lời:



B. HƯỚNG DẪN GIẢI CHI TIẾT



ĐỀ SỐ 1
SÁCH CÁNH DIỀU

ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ I

Năm học: 2024 – 2025

Môn: Toán lớp 5

Thời gian làm bài: 40 phút

(Không kể thời gian giao đề)

I. TRẮC NGHIỆM KHÁCH QUAN (4,0 điểm)

Mỗi câu trả lời đng được 0,5 điểm

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8
Đáp án	B	A	37,941	C	C	C	A	D

II. TỰ LUẬN (6,0 điểm)

Bài 1 (2 điểm). Điền số thích hợp vào chỗ chấm:

22 ha = km²

7 ha 30 m² = ha

2 m² 9 dm² = dm²

5 km² 15 ha = ha

Lời giải

22 ha = $\frac{22}{100}$ km² = **0,22** km²

7 ha 30 m² = $7\frac{30}{10000}$ ha = **7,003** ha

2m² 9dm² = 200 dm² + 9 dm² = **209** dm²

5 km² 15 ha = 500ha + 15ha = **515**ha

Bài 2. (1,5 điểm) Nối hai phân số bằng nhau.

$\frac{34}{12}$
$\frac{20}{105}$
$\frac{36}{63}$

$\frac{4}{21}$
$\frac{4}{7}$
$\frac{17}{6}$

Lời giải

Ta có:

$\frac{34}{12} = \frac{17}{6}$

$\frac{20}{105} = \frac{4}{21}$

$\frac{36}{63} = \frac{4}{7}$

Vậy kết quả nối đúng là:

$\frac{34}{12}$
$\frac{20}{105}$
$\frac{36}{63}$

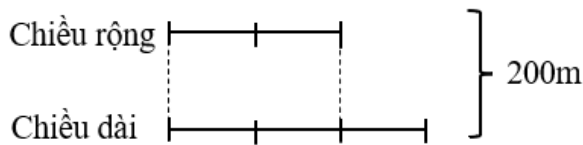
$\frac{4}{21}$
$\frac{4}{7}$
$\frac{17}{6}$

Bài 3. (2 điểm) Một hình chữ nhật có chu vi là 400 m, chiều rộng bằng $\frac{2}{3}$ chiều dài. Tìm diện tích hình chữ nhật đó .

Lời giải

Nửa chu vi hình chữ nhật là: $400 : 2 = 200$ (m).

Theo đề bài, ta có sơ đồ:



Tổng số phần bằng nhau là: $3 + 2 = 5$ (phần)

Giá trị 1 phần là: $200 : 5 = 40$ (m)

Chiều dài hình chữ nhật là: $40 \times 3 = 120$ (m)

Chiều rộng hình chữ nhật là: $200 - 120 = 80$ (m)

Diện tích hình chữ nhật là: $120 \times 80 = 9\ 600$ (m²)

Đáp số: 9 600 m²

Bài 4. (0,5 điểm) Hiệu của số lớn nhất có hai chữ số với số bé nhất có 2 chữ số giống nhau là bao nhiêu?

Trả lời:

Lời giải

Trả lời: Hiệu của số lớn nhất có hai chữ số với số bé nhất có 2 chữ số giống nhau là: 88.

(Số lớn nhất có hai chữ số là: 99.

Số bé nhất có hai chữ số giống nhau là: 11.

Vậy hiệu của hai số đó là: $99 - 11 = 88$.)

ĐỀ SỐ 2 SÁCH CÁNH DIỀU

ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ I

Năm học: 2024 – 2025

Môn: Toán lớp 5

Thời gian làm bài: 40 phút

(Không kể thời gian giao đề)

I. TRẮC NGHIỆM KHÁCH QUAN (4,0 điểm)

Mỗi câu đúng được 0,5 điểm

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8
Đáp án	52,941	D	A	C	C	B	B	A

II. TỰ LUẬN (6,0 điểm)

Bài 1. Điền số thích hợp vào chỗ chấm:

Số thập phân gồm:

5 trăm, 8 chục, 4 phần mười:

6 chục, 1 đơn vị, 5 phần trăm:

2 nghìn, 5 đơn vị, 9 phần nghìn:

Lời giải

Số thập phân gồm:

5 trăm, 8 chục, 4 phần mười: 580,4

6 chục, 1 đơn vị, 5 phần trăm: 61,05

2 nghìn, 5 đơn vị, 9 phần nghìn: 2005,009

Bài 2. Điền dấu ">"; "<"; "=" thích hợp vào chỗ chấm:

$$\frac{5}{2} \dots \frac{1}{6}$$

$$\frac{7}{35} \dots \frac{2}{10}$$

$$\frac{6}{5} \dots \frac{14}{3}$$

Lời giải

Ta có:

$$+) \frac{5}{2} = \frac{30}{12} ; \frac{1}{6} = \frac{2}{12}. \text{ Vì } \frac{30}{12} > \frac{2}{12} \text{ nên } \frac{5}{2} > \frac{1}{6}$$

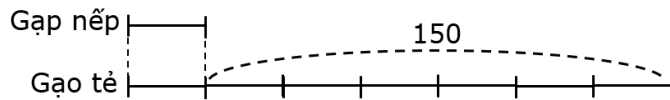
$$+) \frac{7}{35} = \frac{1}{5} ; \frac{2}{10} = \frac{1}{5}. \text{ Vì } \frac{1}{5} = \frac{1}{5} \text{ nên } \frac{7}{35} = \frac{2}{10}$$

$$+) \frac{6}{5} = \frac{18}{15} ; \frac{14}{3} = \frac{70}{15}. \text{ Vì } \frac{18}{15} < \frac{70}{15} \text{ nên } \frac{6}{5} < \frac{14}{3}$$

Bài 3. (2 điểm) Một cửa hàng có số gạo tẻ nhiều hơn số gạo nếp là 150 kg và số gạo nếp bằng $\frac{1}{7}$ số gạo tẻ. Hỏi cửa hàng có tất cả bao nhiêu ki-lô-gam gạo?

Lời giải

Ta có sơ đồ:



Hiệu số phần bằng nhau là: $7 - 1 = 6$ (phần).

Giá trị 1 phần hay số ki-lô-gam gạo nếp là: $150 : 6 = 25$ (kg).

Số ki-lô-gam gạo tẻ là: $150 + 25 = 175$ (kg).

Cửa hàng có tất cả số ki-lô-gam gạo là: $175 + 25 = 200$ (kg).

Đáp số: 200 kg gạo

Bài 4. (0,5 điểm) Có bao nhiêu giá trị của số tự nhiên a thỏa mãn $\frac{4}{7} < \frac{a}{10} < \frac{5}{7}$?

Trả lời:

Lời giải

Trả lời: Có 2 giá trị của số tự nhiên a

$$\frac{4}{7} = \frac{4 \times 10}{7 \times 10} = \frac{40}{70}$$

$$\frac{5}{7} = \frac{5 \times 10}{7 \times 10} = \frac{50}{70}$$

$$\frac{a}{10} = \frac{a \times 7}{10 \times 7} = \frac{a \times 7}{70}$$

$$\text{Suy ra } \frac{40}{70} < \frac{a \times 7}{70} < \frac{50}{70}$$

Hay $40 < a \times 7 < 50$.

Suy ra $a = 6$ hoặc $a = 7$ là thỏa mãn.

Do đó có 2 giá trị a thỏa mãn yêu cầu đề bài.

ĐỀ SỐ 3
SÁCH CÁNH DIỀU

ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ I

Năm học: 2024 – 2025

Môn: Toán lớp 5

Thời gian làm bài: 40 phút

(Không kể thời gian giao đề)

I. TRẮC NGHIỆM KHÁCH QUAN (4,0 điểm)

Mỗi câu đúng được 0,5 điểm

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8
Đáp án	6,82	A	D	C	C	B	D	B

II. TỰ LUẬN (6,0 điểm)

Bài 1. (1,5 điểm)

a) Sắp xếp các số 3,47; 4,48; 2,58; 7,47 theo thứ tự từ bé đến lớn.

b) Tìm số tự nhiên a biết $0,8 < a < 1,07$.

Lời giải

a) Ta có: $2,58 < 3,47 < 4,48 < 7,47$.

Do đó các số thập phân được sắp xếp theo thứ tự từ bé đến lớn là: **2,58; 3,47; 4,48; 7,47**

b) Ta có: $0,8 < 1; 1 < 1,07$

Do đó, $0,8 < 1 < 1,07$

Vậy số tự nhiên a là: **1**

Bài 2. (2 điểm) Điền số thích hợp vào chỗ chấm:

0,8 ha = m²

47 400 ha = km²

15 km² 6 ha = km²

Lời giải

0,8 ha = **8 000** m²

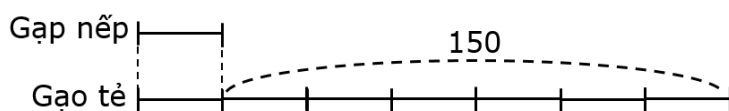
47 400 ha = $\frac{47\ 400}{100}$ km² = **474** km²

15 km² 6 ha = $15\frac{6}{100}$ km² = **15,06** km²

Bài 3. (2 điểm) Một cửa hàng có số gạo tẻ nhiều hơn số gạo nếp là 150 kg và số gạo nếp bằng $\frac{1}{7}$ số gạo tẻ. Hỏi cửa hàng có tất cả bao nhiêu ki-lô-gam gạo?

Lời giải

Ta có sơ đồ:



Hiệu số phần bằng nhau là: $7 - 1 = 6$ (phần).

Giá trị 1 phần hay số ki-lô-gam gạo nếp là: $150 : 6 = 25$ (kg).

Số ki-lô-gam gạo tẻ là: $150 + 25 = 175$ (kg).

Cửa hàng có tất cả số ki-lô-gam gạo là: $175 + 25 = 200$ (kg).

Đáp số: 200 kg.

Bài 4. (0,5 điểm) Cho dãy số: 0,1; 0,01; 0,001;... Hỏi để viết từ số hạng thứ nhất đến số hạng thứ 100 phải dùng bao nhiêu chữ số 1, bao nhiêu chữ số 0?

Trả lời:

Lời giải

Trả lời: Cần dùng số chữ số 1 là: 100 chữ số.

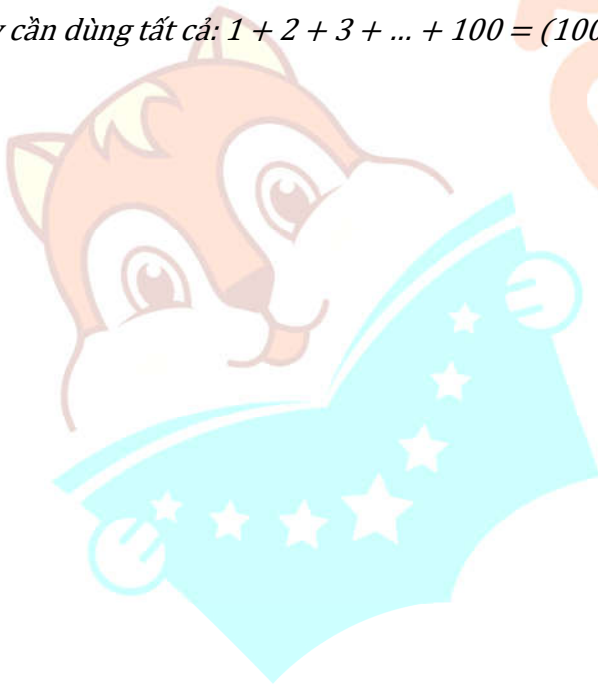
Cần dùng số chữ số 0 là: 5050 chữ số.

(Từ số hạng thứ nhất đến số hạng thứ 100 có 100 chữ số 1 vì mỗi số hạng đều có 1 chữ số 1.

Từ số hạng thứ nhất đến số hạng thứ 100 có 5050 chữ số 0 vì:

Số hạng thứ nhất có 1 chữ số 0, số hạng thứ hai có 2 chữ số 0, ..., số hạng thứ 100 có 100 chữ số 0.

Vậy cần dùng tất cả: $1 + 2 + 3 + \dots + 100 = (100 + 1) \times 100 : 2 = 5050$ (chữ số 0.)



ĐỀ SỐ 4

SÁCH KẾT NỐI TRI THỨC

ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ I

Năm học: 2024 – 2025

Môn: Toán lớp 5

Thời gian làm bài: 40 phút

(Không kể thời gian giao đề)

I. TRẮC NGHIỆM KHÁCH QUAN (4,0 điểm)

Mỗi câu đúng được 0,5 điểm

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8
Đáp án	B	105	B	A	B	D	A	D

II. TỰ LUẬN (6,0 điểm)

Bài 1. (1,5 điểm) Tính:

$$\frac{1}{2} + \frac{1}{3}$$

$$\frac{1}{4} + \frac{1}{6}$$

$$\frac{4}{5} - \frac{1}{2}$$

Lời giải

Thực hiện phép tính ta có:

$$\frac{1}{2} + \frac{1}{3} = \frac{3}{6} + \frac{2}{6} = \frac{3+2}{6} = \frac{5}{6}$$

$$\frac{1}{4} + \frac{1}{6} = \frac{3}{12} + \frac{2}{12} = \frac{5}{12}$$

$$\frac{4}{5} - \frac{1}{2} = \frac{8}{10} - \frac{5}{10} = \frac{3}{10}$$

Bài 2. (2 điểm)

a) Tìm x biết: $x - \frac{3}{5} \times \frac{5}{9} = \frac{2}{3}$.

b) Tính bằng cách thuận tiện: $15 \times 20 \frac{23}{100} + 84 \times 20 \frac{23}{100} + 20 \frac{23}{100}$.

Lời giải

$$a) x - \frac{3}{5} \times \frac{5}{9} = \frac{2}{3}$$

$$x - \frac{1}{3} = \frac{2}{3}$$

$$x = \frac{2}{3} + \frac{1}{3}$$

$$x = 1.$$

$$b) 15 \times 20 \frac{23}{100} + 84 \times 20 \frac{23}{100} + 20 \frac{23}{100}$$

$$= (15 + 84 + 1) \times 20 \frac{23}{100}$$

$$= 100 \times \frac{2023}{100}$$

$$= 2023.$$

Bài 3. (2 điểm) Một mảnh đất hình chữ nhật có chiều dài 200 dm, chiều rộng bằng $\frac{3}{4}$ chiều dài.

Người ta trồng ngô trên mảnh đó. Sau một mùa vụ, 1m^2 đất có thể thu hoạch được 5 yến ngô.

a) Diện tích mảnh đất hình chữ nhật là bao nhiêu mét vuông?

b) Sau một mùa vụ, cả mảnh đất đó có thể thu hoạch được bao nhiêu tạ ngô?

Lời giải

Chiều rộng mảnh đất hình chữ nhật là:

$$200 \times \frac{3}{4} = 150 \text{ (dm)}$$

a) Diện tích mảnh đất đó là:

$$200 \times 150 = 30\,000 \text{ (dm}^2\text{)} = 300 \text{ m}^2.$$

b) Cả mảnh đất đó thu hoạch được số tạ ngô là:

$$5 \times 300 = 1500 \text{ (yến)} = 150 \text{ tạ.}$$

Đáp số: a) 300 m² b) 150 tạ

Bài 4. (0,5 điểm) Từ ba chữ số: 5; 1; 3 lập được tất cả bao nhiêu số thập phân có phần nguyên gồm 1 chữ số và có đủ mặt ba chữ số đó?

Trả lời:

Lời giải

Trả lời: Lập được tất cả 6 số thập phân

(Từ 3 chữ số 5; 1; 3 ta lập được các số thập phân thoả mãn yêu cầu bài toán:

- Có phần nguyên là chữ số 5: 5,13; 5,31.

- Có phần nguyên là chữ số 1: 1,53; 1,35.

- Có phần nguyên là chữ số 3: 3,51; 3,15.

Do đó có tất cả: $2 + 2 + 2 = 6$ (số thập phân).

Vậy có 6 số thập phân.)

ĐỀ SỐ 5

SÁCH KẾT NỐI TRI THỨC

ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ I

Năm học: 2024 – 2025

Môn: Toán lớp 5

Thời gian làm bài: 40 phút

(Không kể thời gian giao đề)

I. TRẮC NGHIỆM KHÁCH QUAN (4,0 điểm)

Mỗi câu đúng cho 0,5 điểm

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8
Đáp án	17,52	A	C	A	C	C	C	B

II. TỰ LUẬN (6,0 điểm)

Bài 1. Viết số thập phân thích hợp vào chỗ chấm:

a) 5 m 5 cm = m

b) 4 tấn 36 kg = tấn

c) 35 ha = km²

d) 500g = kg

Lời giải

a) 5m 5cm = **5,05** m

b) 4 tấn 36 kg = **4,036** tấn

c) 35 ha = **0,35** km²

d) 500 g = **0,5** kg

Bài 2. (1,5 điểm) Tính:

a) $\frac{3}{5} - \frac{2}{7}$

b) $\frac{7}{11} + \frac{8}{5}$

c) $\frac{1}{6} + \frac{1}{8}$

d) $\frac{13}{4} - \frac{2}{5}$

Lời giải

a) $\frac{3}{5} - \frac{2}{7} = \frac{21}{35} - \frac{10}{35} = \frac{11}{35}$

b) $\frac{7}{11} + \frac{8}{5} = \frac{35}{55} + \frac{88}{55} = \frac{123}{55}$

c) $\frac{1}{6} + \frac{1}{8} = \frac{8}{48} + \frac{6}{48} = \frac{14}{48} = \frac{7}{24}$

d) $\frac{13}{4} - \frac{2}{5} = \frac{65}{20} - \frac{8}{20} = \frac{57}{20}$

Bài 3. (2 điểm) Một thửa ruộng hình chữ nhật có chu vi là 240m, chiều rộng bằng $\frac{1}{2}$ chiều dài.

a) Tính diện tích thửa ruộng đó.

b) Biết rằng cứ 100m² thì thu hoạch được 50kg thóc. Hỏi trên cả thửa ruộng đó người ta thu hoạch được bao nhiêu tạ thóc?

Lời giải

a) Nửa chu vi của thửa ruộng là: $240 : 2 = 120$ (m).

Chiều rộng thửa ruộng là: $120 : (1 + 2) \times 1 = 40$ (m).

Chiều dài thửa ruộng là: $120 - 40 = 80$ (m).

Diện tích của thửa ruộng là: $40 \times 80 = 3200 \text{ (m}^2\text{)}$

b) 3200m^2 gấp 100m^2 số lần là: $3200 : 100 = 32$ (lần).

Số thóc người ta thu hoạch được trên cả thửa ruộng đó là: $50 \times 32 = 1600 \text{ (kg)} = 16$ tạ.

Đáp số: a) 3200 m^2

b) 16 tạ

Bài 4. (0,5 điểm) Tìm một số sao cho khi tử số của phân số $\frac{17}{60}$ cộng với số đó và giữ nguyên mẫu số

thì được phân số mới bằng $\frac{7}{12}$.

Trả lời:

Lời giải

Trả lời: Số đó là: 18.

(Ta có: $\frac{7}{12} = \frac{35}{60}$.

Để được phân số mới bằng $\frac{7}{12}$ hay $\frac{35}{60}$ ta phải thêm vào tử số của phân số $\frac{17}{60}$ một số là:

$35 - 17 = 18$.)



ĐỀ SỐ 6

SÁCH KẾT NỐI TRI THỨC

ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ I

Năm học: 2024 – 2025

Môn: Toán lớp 5

Thời gian làm bài: 40 phút

(Không kể thời gian giao đề)

I. TRẮC NGHIỆM KHÁCH QUAN (4,0 điểm)

Mỗi câu đúng được 0,5 điểm

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8
Đáp án	A	B	A	474	B	D	C	27

II. TỰ LUẬN (6,0 điểm)

Bài 1. (2 điểm) Tìm x , biết:

$$a) \frac{3}{2} - x + \frac{2}{3} = \frac{1}{6};$$

$$b) \frac{1}{x} + \frac{2}{3} = \frac{11}{12}.$$

Lời giải

$$a) \frac{3}{2} - x + \frac{2}{3} = \frac{1}{6}$$

$$\frac{3}{2} + \frac{2}{3} - x = \frac{1}{6}$$

$$\frac{13}{6} - x = \frac{1}{6}$$

$$x = \frac{13}{6} - \frac{1}{6}$$

$$x = \frac{12}{6} = 2.$$

$$b) \frac{1}{x} + \frac{2}{3} = \frac{11}{12}$$

$$\frac{1}{x} = \frac{11}{12} - \frac{2}{3}$$

$$\frac{1}{x} = \frac{1}{4}$$

$$x = 4.$$

Bài 2. (1,5 điểm) Tính bằng cách thuận tiện:

$$22\frac{7}{9} + 35\frac{11}{17} + 7\frac{2}{9} + 4\frac{6}{17}$$

Lời giải

$$22\frac{7}{9} + 35\frac{11}{17} + 7\frac{2}{9} + 4\frac{6}{17}$$

$$= \left(22\frac{7}{9} + 7\frac{2}{9} \right) + \left(35\frac{11}{17} + 4\frac{6}{17} \right)$$

$$= \left(22 + 7 + \frac{7}{9} + \frac{2}{9} \right) + \left(35 + 4 + \frac{11}{17} + \frac{6}{17} \right)$$

$$= (29 + 1) + (39 + 1)$$

$$= 30 + 40$$

$$= 70.$$

Bài 3. (2 điểm) Một căn nhà có nền hình chữ nhật với chiều dài 12m và chiều rộng 9m. Người ta lát nền căn phòng bằng các viên gạch hình vuông cạnh 3dm. Hỏi để lát hết nền căn phòng đó thì cần bao nhiêu viên gạch?

Lời giải

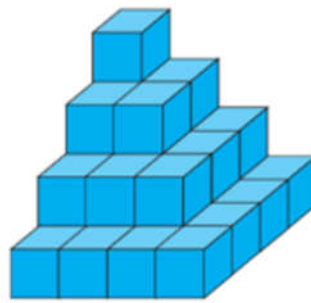
Diện tích nền căn nhà là: $12 \times 9 = 108 \text{ (m}^2\text{)} = 10800\text{dm}^2$

Diện tích viên gạch hình vuông là: $3 \times 3 = 9 \text{ (dm}^2\text{)}$

Cần số viên gạch để lát kín nền căn phòng đó là: $10800 : 9 = 1200 \text{ (viên)}$.

Đáp số: 1200 viên gạch.

Bài 4. (0,5 điểm) Cho hình sau:



Có bao nhiêu khối lập phương nhỏ dùng để xếp thành hình trên?

Trả lời:

Lời giải

Trả lời: Có tất cả 30 khối lập phương nhỏ.

(Hàng trên cùng có 1 khối lập phương nhỏ)

Hàng thứ hai từ trên xuống có: $2 \times 2 = 4$ (khối lập phương nhỏ).

Hàng thứ ba từ trên xuống có $3 \times 3 = 9$ (khối lập phương nhỏ).

Hàng dưới cùng có $4 \times 4 = 16$ (khối lập phương nhỏ)

Số khối lập phương nhỏ cần dùng để xếp thành hình đã cho là:

$1 + 4 + 9 + 16 = 30$ (khối lập phương nhỏ).

Đáp số: 30 khối lập phương nhỏ)

ĐỀ SỐ 7

SÁCH CHÂN TRỜI SÁNG TẠO

ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ I

Năm học: 2024 – 2025

Môn: Toán lớp 5

Thời gian làm bài: 40 phút

(Không kể thời gian giao đề)

I. TRẮC NGHIỆM KHÁCH QUAN (4,0 điểm)

Mỗi câu đúng được 0,5 điểm

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8
Đáp án	B	28,86	C	B	5,08	B	C	C

II. TỰ LUẬN (6,0 điểm)

Bài 1. (2 điểm) Điền số thích hợp vào chỗ chấm:

$$25 \text{ tấn } 68 \text{ kg} = \dots\dots\dots \text{ tấn}$$

$$71 \text{ 620 ml} = \dots\dots\dots \text{ l}$$

$$70 \text{ 548 ha} = \dots\dots\dots \text{ km}^2$$

$$9 \text{ m } 3 \text{ dm} = \dots\dots\dots \text{ m}$$

Lời giải

$$25 \text{ tấn } 68 \text{ kg} = 25 \frac{68}{1000} \text{ tấn} = \mathbf{25,068} \text{ tấn}$$

$$71 \text{ 620 ml} = \frac{71620}{1000} \text{ l} = \mathbf{71,62} \text{ l}$$

$$70 \text{ 548 ha} = \frac{70548}{100} \text{ km}^2 = \mathbf{705,48} \text{ km}^2$$

$$9 \text{ m } 3 \text{ dm} = 9 \frac{3}{10} \text{ m} = \mathbf{9,3} \text{ m.}$$

Bài 2. (1,5 điểm) a) Tính giá trị của biểu thức: $\frac{4}{9} + \frac{2}{9} - \frac{5}{18}$

b) Tìm x : $x + \frac{4}{7} = \frac{7}{4} - \frac{1}{4}$

Lời giải

$$\text{a) } \frac{4}{9} + \frac{2}{9} - \frac{5}{18} = \frac{6}{9} - \frac{5}{18} = \frac{12}{18} - \frac{5}{18} = \frac{7}{18}$$

$$\text{b) } x + \frac{4}{7} = \frac{7}{4} - \frac{1}{4}$$

$$x + \frac{4}{7} = \frac{6}{4}$$

$$x = \frac{6}{4} - \frac{4}{7}$$

$$x = \frac{13}{14}$$

Bài 3. (2 điểm) Một cửa hàng nhập về 3 tấn gạo. Ngày thứ nhất, cửa hàng bán được 150 kg gạo. Ngày thứ hai cửa hàng bán được gấp đôi số gạo ngày thứ nhất. Số gạo còn lại bán trong 6 ngày thì vừa hết. Hỏi trong 6 ngày này, trung bình mỗi ngày cửa hàng bán được bao nhiêu ki-lô-gam gạo?

Lời giải

Đổi: 3 tấn = 3 000 kg

Ngày thứ hai cửa hàng bán được số ki-lô-gam gạo là:

$$150 \times 2 = 300 \text{ (kg)}$$

Số ki-lô-gam gạo ngày thứ nhất và ngày thứ hai bán được là:

$$150 + 300 = 450 \text{ (kg)}$$

Số gạo còn lại sau hai ngày bán là:

$$3\,000 - 450 = 2\,550 \text{ (kg)}$$

Trong 6 ngày, trung bình mỗi ngày cửa hàng bán được số ki-lô-gam gạo là:

$$2\,550 : 6 = 425 \text{ (kg)}$$

Đáp số: 425 kg gạo

Bài 4. (0,5 điểm) Cho phân số $\frac{97}{53}$. Tìm số tự nhiên m sao cho khi bớt m ở tử số và thêm m ở mẫu

số của phân số đã cho thì ta được phân số mới có giá trị bằng $\frac{3}{2}$.

Trả lời:

Lời giải

Trả lời: Số tự nhiên m là 7.

(Khi bớt m ở tử số và thêm m ở mẫu số của phân số $\frac{97}{53}$ thì tổng của tử số và mẫu số không thay đổi.

Vậy tổng của tử số và mẫu số mới là: $97 + 53 = 150$

Ta có sơ đồ biểu diễn tử số mới và mẫu số mới:



Giá trị 1 phần là: $150 : (2 + 3) = 30$

Tử số mới là: $30 \times 3 = 90$

Số tự nhiên m cần tìm là: $97 - 90 = 7$

ĐỀ SỐ 8

SÁCH CHÂN TRỜI SÁNG TẠO

ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ I

Năm học: 2024 – 2025

Môn: Toán lớp 5

Thời gian làm bài: 40 phút

(Không kể thời gian giao đề)

I. TRẮC NGHIỆM KHÁCH QUAN (4,0 điểm)

Mỗi câu đúng được 0,5 điểm

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8
Đáp án	B	B	5,06	D	C	D	A	A

II. TỰ LUẬN (6,0 điểm)

Bài 1. (2 điểm)

- a) Sắp xếp các số 3,47; 4,48; 2,58; 7,47 theo thứ tự từ bé đến lớn
 b) Điền số thích hợp vào chỗ chấm: $3,52 > 3,.....2 > 3,32$

Lời giải

- a) So sánh phần nguyên

Vì $2 < 3 < 4 < 7$ nên $2,58 < 3,47 < 4,48 < 7,47$

Do đó các số đã cho sắp xếp theo thứ tự từ bé đến lớn là: 2,58 ; 3,47 ; 4,48 ; 7,47

- b) Các số đều có phần nguyên là 3, hàng phần trăm là 2. Ta so sánh hàng phần mười:

Vì $5 > 4 > 3$ nên $3,52 > 3,42 > 3,32$

Do đó số cần điền vào chỗ trống là: 4.

Bài 2. (1,5 điểm) Điền số thích hợp vào chỗ trống

- a) Làm tròn số thập phân 35,501 đến số tự nhiên gần nhất ta được số:
 b) Làm tròn số thập phân 32,152 đến hàng phần mười ta được số:
 c) Làm tròn số 1345,754 đến hàng phần trăm được số:

Lời giải

- a) Vì chữ số ở hàng phần mười $5 = 5$ nên ta làm tròn lên.

Do đó làm tròn số thập phân 35,501 đến số tự nhiên gần nhất ta được số: **36.**

- b) Số thập phân 32,152 có chữ số ở hàng phần trăm $5 = 5$ nên ta làm tròn lên.

Làm tròn số thập phân 32,152 đến hàng phần mười ta được số: **32,2.**

- c) Số thập phân 1345,754 có chữ số ở hàng phần nghìn $4 < 5$ nên ta làm tròn xuống

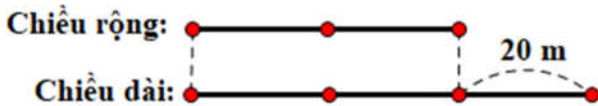
Làm tròn số 1345,754 đến hàng phần trăm được số: **1345,75.**

Bài 3. (2 điểm) Hình chữ nhật có chiều dài bằng $\frac{3}{2}$ chiều rộng. Nếu tăng chiều rộng 20 m thì hình chữ nhật trở thành hình vuông. Tính diện tích hình chữ nhật?

Lời giải

Nếu tăng chiều rộng 20 m thì hình chữ nhật trở thành hình vuông nghĩa là chiều rộng kém chiều dài 20 m.

Ta có sơ đồ:



Giá trị của 1 phần là: $20 : (3 - 2) = 20$ (m).

Chiều rộng hình chữ nhật là: $20 \times 2 = 40$ (m).

Chiều dài hình chữ nhật là: $20 \times 3 = 60$ (m).

Diện tích hình chữ nhật là: $60 \times 40 = 2400$ (m²).

Đáp số: 2400 m²

Bài 4. (0,5 điểm) Hiện nay tổng số tuổi của hai chị em là 32 tuổi. Biết rằng lúc tuổi chị bằng tuổi em hiện nay thì khi đó tuổi em bằng $\frac{5}{7}$ tuổi chị. Hãy tính tuổi em hiện nay.

Trả lời:

Lời giải

Trả lời: Tuổi em hiện nay là 14 tuổi.

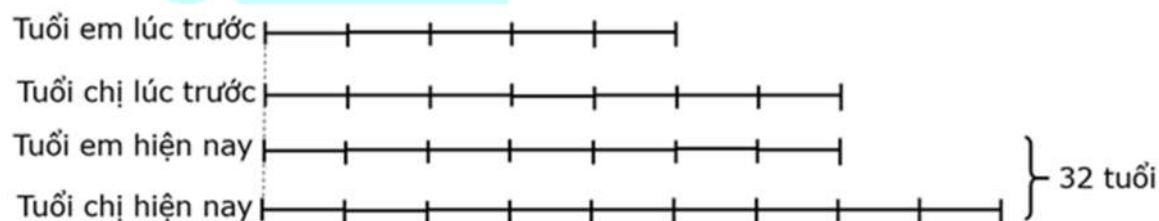
(Coi tuổi em lúc trước là 5 phần thì tuổi chị lúc trước là 7 phần.

Hiệu số tuổi hai chị em khi đó là: $7 - 5 = 2$ (phần)

Vì tuổi chị lúc trước bằng tuổi em hiện nay nên tuổi em hiện nay là 7 phần

Vì hiệu số tuổi hai chị em luôn không đổi nên tuổi chị hiện nay là: $7 + 2 = 9$ (phần)

Ta có sơ đồ tuổi chị và em hiện nay là:



Giá trị 1 phần là: $32 : (7 + 9) = 2$ (tuổi)

Tuổi em hiện nay là: $2 \times 7 = 14$ (tuổi)

ĐỀ SỐ 9
SÁCH CHÂN TRỜI SÁNG TẠO

ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ I

Năm học: 2024 – 2025

Môn: Toán lớp 5

Thời gian làm bài: 40 phút
(Không kể thời gian giao đề)

I. TRẮC NGHIỆM KHÁCH QUAN (4,0 điểm)

Mỗi câu đúng được 0,5 điểm

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8
Đáp án	230,208	B	C	B	B	A	C	A

II. TỰ LUẬN (6,0 điểm)

Bài 1. (2 điểm) Nối các cặp biểu thức có giá trị bằng nhau.

483 + 5 109
2 × 100
999 × 45
871 + (500 + 500)

2 997 × 15
2 000 - 129
2 × 75 + 2 × 25
5 000 + 600 - 8

Lời giải

Ta có:

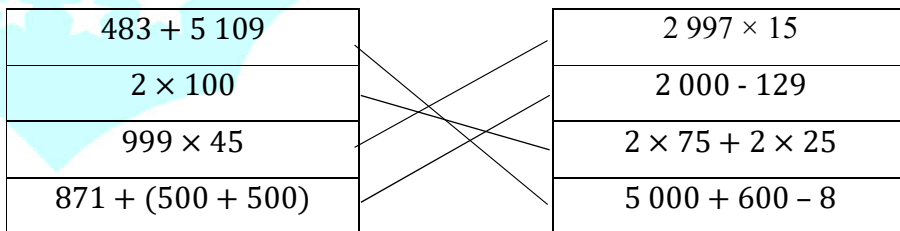
$$483 + 5\ 109 = 5\ 000 + 600 - 8 = 5\ 592$$

$$2 \times 100 = 2 \times 75 + 2 \times 25 = 200$$

$$999 \times 45 = 2\ 997 \times 15 = 44\ 955$$

$$871 + (500 + 500) = 2\ 000 - 129 = 1\ 871$$

Vậy kết quả nối đúng là:



Bài 2. (1,5 điểm) Điền dấu ">; <; =" thích hợp vào chỗ chấm:

96,4 96,38

4,21 4,210

0,715 0,7205

Lời giải

96,4 > 96,38

4,21 = 4,210

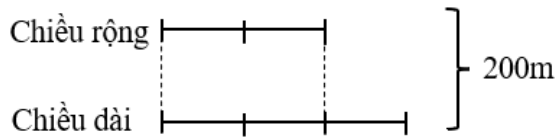
0,715 < 0,7205

Bài 3. (2 điểm) Một hình chữ nhật có chu vi là 400 m, chiều rộng bằng $\frac{2}{3}$ chiều dài. Tìm diện tích hình chữ nhật đó.

Lời giải

Nửa chu vi hình chữ nhật là: $400 : 2 = 200$ (m).

Theo đề bài, ta có sơ đồ:



Tổng số phần bằng nhau là: $3 + 2 = 5$ (phần)

Giá trị 1 phần là: $200 : 5 = 40$ (m)

Chiều dài hình chữ nhật là: $40 \times 3 = 120$ (m)

Chiều rộng hình chữ nhật là: $200 - 120 = 80$ (m)

Diện tích hình chữ nhật là: $120 \times 80 = 9\,600$ (m²)

Đáp số: 9 600 m²

Bài 4. (0,5 điểm) Hiệu của hai số là 2021. Nếu thêm 121 đơn vị vào số lớn thì khi đó $\frac{2}{3}$ số bé bằng $\frac{1}{6}$ số lớn. Tìm số lớn.

Trả lời:

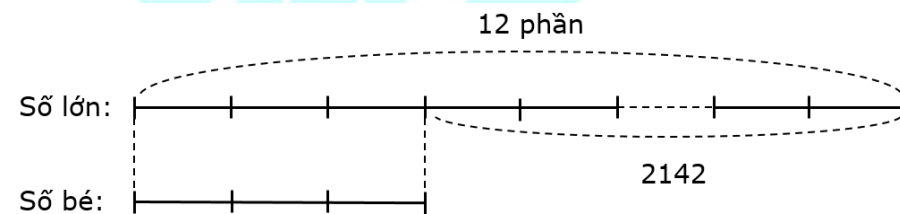
Lời giải

Trả lời: Số lớn là: 2 735.

(Hiệu của hai số sau khi thêm 121 đơn vị vào số lớn là: $2021 + 121 = 2142$)

$\frac{2}{3}$ số bé bằng $\frac{1}{6}$ số lớn hay $\frac{2}{3}$ số bé bằng $\frac{2}{12}$ số lớn tức ta coi số bé là 3 phần thì số lớn là 12 phần như thế.

Ta có sơ đồ sau khi thêm đơn vị là:



Giá trị 1 phần là: $2\,142 : (12 - 3) = 238$.

Số bé là: $238 \times 3 = 714$.

Số lớn là: $714 + 2\,021 = 2\,735$.)